

Bản án số: 75/2017/HSPT

Ngày: 26/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Trần Thị Bé**
- *Các thẩm phán:* **+ Ông Nguyễn Văn Năm**
+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Việt Trang**
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* **Bà Bùi Thị Sâm - Kiểm sát viên.**

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2017/HSPT ngày 23 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Võ Ngọc M can tội: **“Cố ý gây thương tích”**.

Do có kháng cáo của bị cáo Võ Ngọc M và người bị hại Phạm N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Họ và tên bị cáo: **Võ Ngọc M**; Tên gọi khác: Mí;
Sinh ngày: 19/5/1954;
Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;
Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 9/12;
Con ông Võ L (chết) và bà Đỗ Thị Đ (chết);
Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1964; Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1998;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.
* *Người bị hại:* Ông Phạm N; sinh năm 1976.
Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt tại phiên tòa.
* *Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại:* Ông Hà Vĩnh P, luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 10/8/2016, Võ Ngọc M thuê anh Nguyễn Tấn D (sinh năm 1990; trú tại: thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi) bằm đất vườn để trồng đậu. Khi anh D bằm đất được khoảng 20 phút thì ông Phạm N ở kề nhà Võ Ngọc M nhìn thấy nên đến nói với Võ Ngọc M “Sao anh lại cho máy bằm bằm phần đất vườn của em, phần đất của em thì chừa lại cho em”, Võ Ngọc M nói lại “Đất gì của mày, đất nhà mày đã xây tường rào rồi mà đất gì là của mày”. Võ Ngọc M dùng tay đẩy ông N ra để máy bằm tiếp tục bằm đất. Hai bên nói qua lại thì M dùng bàn tay trái đánh ngang từ trái sang phải làm cho nơi tiếp giáp giữa khuỷu tay và lòng bàn tay trúng vào vùng mắt trái và sống mũi của ông N gây thương tích, ông N đánh lại M, cả hai ôm vật nhau ngã xuống đất, lúc này anh D, bà Nguyễn Thị H (vợ ông N) và bà Phạm Thị M (vợ Võ Ngọc M) đến can ngăn.

Từ ngày 11/8/2016 đến ngày 20/8/2016 ông N được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đà Nẵng. Chẩn đoán: Chấn thương hàm mặt, gãy xương chính mũi, mắt viêm kết mạc.

Từ ngày 29/8/2016 đến ngày 05/9/2016, ông N tiếp tục điều trị tại Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi.

Từ ngày 09/9/2016 đến ngày 19/9/2016, ông N tiếp tục điều trị chấn thương cũ tại Bệnh viện đa khoa huyện M.

Từ ngày 21/9/2016 đến ngày 28/9/2016, ông N điều trị tại Bệnh viện Đà Nẵng. Chẩn đoán: Mắt (T) theo dõi viêm thần kinh thị, gãy xương chính mũi đã mổ, mắt (T) nhìn mờ.

Ngày 11/10/2016 ông N tự nhập viện điều trị tại Bệnh viện tâm thần Đà Nẵng đến ngày 14/10/2016 xin xuất viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 192/2016/GDPY ngày 08/12/2016 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi kết luận thương tật của Phạm N như sau: Tổn thương vùng mũi, 01 sẹo dít ở góc mũi, gãy xương chính mũi, chức năng ngửi thờ bình thường, xếp tỷ lệ 10%; Tổn thương mắt trái, thị lực mắt phải 10/10, mắt trái 4/10, xếp tỷ lệ 11%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 04/5/2017, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Ngọc M phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng: khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội; khoản 3 Điều 7; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 604; 605; 609 Bộ luật dân sự 2005 buộc bị cáo Võ Ngọc M phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đối với các khoản thiệt hại về chi phí điều trị, công người nuôi và tổn thất tinh thần cho bị hại Phạm N là 42.100.000 đồng.

Áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; tách một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập bị mất của bị hại để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/5/2017, bị cáo Võ Ngọc M có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 19/5/2017, người bị hại Phạm N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra, đối chiếu với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 10/8/2016, xuất phát từ mâu thuẫn trong việc tranh chấp quyền sử dụng đất, bị cáo Võ Ngọc M và người bị hại Phạm N đã có cãi vã, lớn tiếng với nhau, sau đó bị cáo Võ Ngọc M dùng bàn tay trái đánh ngang từ trái qua phải trúng vào vùng mắt trái và sống mũi của người bị hại, gây thương tích cho người bị hại Phạm N 21%.

Căn cứ quy định tại Điều 1 Mục I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số tình tiết là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt, thì tình tiết “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích để lại trạng

thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: Làm mất một bộ phận cơ thể; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. Trong vụ án này, tổng tỷ lệ thương tật của người bị hại là 21% và được giám định cụ thể như sau: Tổn thương vùng mũi, 01 sẹo dít ở góc mũi, gãy xương chính mũi, chức năng ngửi thờ bình thường, xếp tỷ lệ 10%; Tổn thương mắt trái, thị lực mắt phải 10/10, mắt trái 4/10, xếp tỷ lệ 11%. Đối với tổn thương vùng mũi của người bị hại, tổn thương này không làm mất hoặc giảm chức năng hoạt động của mũi, chức năng ngửi thờ của mũi vẫn hoạt động bình thường, sẹo dít ở góc mũi kt (1 x 0,5)cm cũng không làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của người bị hại. Đối với tổn thương mắt trái 4/10, tỷ lệ thương tật là 11%, theo hướng dẫn tại Nghị quyết (ví dụ của điểm c Điều 1 Mục I) thì tỷ lệ thương tật phải từ 8% đến 10% mới được áp dụng tình tiết “gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” nhưng tỷ lệ thương tật của người bị hại là trên 10% nên không áp dụng tình tiết này, mặt khác thị lực mắt trái của người bị hại cũng đang dần hồi phục. Do đó không thể áp dụng tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân đối với bị cáo. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xét xử bị cáo Võ Ngọc M về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo của bị cáo Võ Ngọc M và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại Phạm N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì mâu thuẫn trong việc tranh chấp quyền sử dụng đất, đã thực hiện hành vi gây thương tích cho người bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Nhưng, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo có công với cách mạng, mẹ đẻ của bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bản thân bị cáo được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào trồng rừng dự án PAM 4304, vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như xem xét nhân thân của bị

cáo nên xử phạt bị cáo Võ Ngọc M 09 tháng tù là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo và người bị hại không có tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hoặc tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Ngọc M và kháng cáo của người bị hại.

Xét kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại của người bị hại Phạm N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ quy định của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm được bồi thường bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người bị thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần.

Đối với tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 3.100.000 đồng đối với các khoản chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ hợp lệ là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại cung cấp thêm chứng từ chứng minh chi phí tiếp tục chữa bệnh là 200.000 đồng, vì vậy cần tính số tiền chi phí cho việc điều trị là **3.300.000** đồng.

Người bị hại nằm viện điều trị thương tích và sau khi xuất viện cần có thời gian nghỉ ngơi, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, nên chấp nhận số tiền **6.000.000** đồng là tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người bị hại.

Sau khi bị gây thương tích, người bị hại Phạm N nằm viện điều trị trong thời gian 49 ngày và tiếp tục nằm viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện M sau khi xét xử sơ thẩm 8 ngày. Trong thời gian nằm viện điều trị này, ông Phạm N cần có người chăm sóc, nên cần tính thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc là 57 ngày x 200.000 đồng = **11.400.000** đồng.

Đối với khoản tiền mất thu nhập của người bị hại: Ông Phạm N thực tế nằm viện điều trị trong 57 ngày, vì sau khi ra viện, ông tiếp tục đi tái khám nhiều lần và trong khoảng thời gian này ông bị mất thu nhập do không thể làm việc. Vì vậy, cần tính thời gian mất thu nhập cho ông liên tục từ ngày 11/8/2016 đến ngày 14/10/2016 (65 ngày) và từ ngày 17/4/2017 đến ngày 24/4/2017 (8 ngày), tổng cộng là 73 ngày. Tại cấp phúc thẩm, ông Phạm N yêu cầu được bồi thường khoản tiền mất thu nhập của mình là mỗi ngày 2.000.000 đồng và cung cấp một số hợp đồng giao, nhận dịch vụ nấu ăn làm chứng cứ. Tuy nhiên, các hợp đồng mà ông cung cấp không đảm bảo về mặt pháp lý và không hợp lý về mặt thời gian, ngoài ra ông không có chứng cứ nào khác chứng minh thu nhập thực tế của mình là 2.000.000 đồng/ngày nên không có cơ sở để xem xét. Xét thấy người bị hại có thu nhập thực tế, nhưng không ổn định, do đó cần căn cứ vào mức thu

nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương để tính phần thu nhập bị mất cho người bị hại tương ứng với thời gian điều trị là 300.000 đồng x 73 ngày = **21.900.000** đồng.

Đối với khoản tiền tàu xe mà người bị hại đi lại trong thời gian nằm viện và tái khám, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền **5.000.000** đồng đối với các khoản tiền có chứng từ hợp lệ là có cơ sở. Người bị hại bị thương tích 21%, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận khoản tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại bằng 20 tháng lương tối thiểu, tương đương **24.200.000** đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đối với hai khoản tiền này, cấp phúc thẩm giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tổng cộng, số tiền bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Phạm N là **71.800.000** đồng, bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M để đảm bảo thi hành án nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 61.800.000 đồng cho người bị hại.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường thiệt hại của người bị hại Phạm N. Đối với Tòa án cấp sơ thẩm, vụ án xảy ra ngày 10/8/2016 nên việc áp dụng pháp luật để giải quyết phần dân sự, bồi thường thiệt hại phải áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để tuyên buộc bồi thường thiệt hại là sai sót trong việc áp dụng pháp luật, cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Ngọc M về tội cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Võ Ngọc M, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xử phạt bị cáo mức án phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại, thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng phần bồi thường thiệt hại của người bị hại, tại cấp sơ thẩm người bị hại yêu cầu tách phần bồi thường thu nhập thực tế bị mất của mình giải quyết thành vụ án dân sự khác. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại yêu cầu tính phần thu nhập thực tế bị mất với mức thu nhập là 2.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, người bị hại không có tài liệu gì chứng minh thu nhập của

mình như đã trình bày và thu nhập của người bị hại là không ổn định nên yêu cầu của người bị hại là không có cơ sở chấp nhận. Theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thì người bị hại cần có khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tính khoản tiền này cho người bị hại là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần dân sự, tính thêm khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và tiền thu nhập thực tế bị mất cho người bị hại.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi của người bị hại tại phiên tòa: Bị cáo Võ Ngọc M gây thương tích cho người bị hại 21%, làm gãy xương chính mũi, mắt trái bị giảm thị lực. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân để xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử và xử phạt bị cáo theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo. Đối với phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại yêu cầu bồi thường khoản tiền ăn ở bệnh viện 6.000.000 đồng, thực tế đây là khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tính khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe này cho người bị hại là thiếu sót. Các khoản tiền tàu xe đi lại, chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc là thấp, đối với khoản tiền tổn thất tinh thần, vết thương của người bị hại ảnh hưởng đến thẩm mỹ, nên gây tổn thất tinh thần cho người bị hại lớn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính tổn thất tinh thần bằng 20 tháng lương tối thiểu là thấp. Đối với thu nhập thực tế bị mất của người bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm tách thành một vụ án dân sự khác là ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại, người bị hại có thu nhập từ việc cho thuê rạp, trại tổ chức đám cưới và thu nhập từ việc chăn nuôi nên không có chứng từ chứng minh, nhưng các khoản thu nhập này là có thực tế nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính thu nhập bị mất là 2.000.000 đồng/ngày của người bị hại. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để tính bồi thường thiệt hại cho người bị hại là không đúng quy định của pháp luật, mà phải áp dụng Bộ luật dân sự 2015. Việc áp dụng pháp luật sai làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại, trường hợp không hủy án thì tăng phần bồi thường thiệt hại đối với người bị hại.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Võ Ngọc M sinh năm 1954, là người cao tuổi, căn cứ điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm và dân sự sơ thẩm.

Người bị hại Phạm N không phải chịu án phí hình sự và dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo Võ Ngọc M và người bị hại Phạm N. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm N về yêu cầu tăng phần bồi thường thiệt hại. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc M **09 (chín) tháng tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Võ Ngọc M phải bồi thường số tiền 71.800.000 đồng cho người bị hại Phạm N. Bị cáo đã bồi thường trước 10.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền **61.800.000 đồng**.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Võ Ngọc M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, theo biên lai thu số 00769 ngày 21/3/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo Võ Ngọc M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Người bị hại Phạm N không phải chịu án phí hình sự và dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- TAND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé